

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 966/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26-10-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thảo

2. Bà Nguyễn Thị Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 19/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 422/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Đình N – sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: 158/51 đường H, Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hoàng Y - sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: 3/27 đường S, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 11/11/2021, Đơn yêu cầu chia tài sản chung ngày 21/03/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn – ông Lê Đình N trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Hoàng Y tự nguyện kết hôn với nhau năm 2007 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 264 do UBND Phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/12/2007). Trong thời gian chung sống có nhiều mâu thuẫn,

bất đồng trong quan điểm và lối sống nên hôn nhân không hạnh phúc từ nhiều năm nay. Hiện tình cảm không còn, ông yêu cầu được ly hôn với bà Y.

Về con chung: Có 1 con chung là Lê Hoàng Tú Ng – sinh ngày 29/10/2008. Sau khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung gồm có: Nhà và đất tại 158/51 H, Phường X, quận B; Nhà và đất tại 3/27 đường S, Phường M, quận B; Thửa đất 807, tờ bản đồ số 12 tại xã J, huyện K; Thửa đất số 88, tờ bản đồ 20 tại ấp 4, xã L, thành phố Z, tỉnh Đồng Nai; 01 xe ô tô hiệu Acura biển số 51F-615.75; 01 xe mô tô biển số 59A3 052.02. Trước đây ông có đơn yêu cầu chia tài sản chung, yêu cầu được hưởng $\frac{1}{2}$ trị giá là 15.950.000.000đ, nay ông xin được rút lại yêu cầu này do hai bên đã thỏa thuận giải quyết xong.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị Hoàng Y trình bày: Bà đồng ý ly hôn nhưng lý do mâu thuẫn ông N đưa ra là bà không về thăm tang cha chồng là không hợp lý.

Về con chung: Có 1 con chung là Lê Hoàng Tú Ng – sinh ngày 29/10/2008. Bà yêu cầu được nuôi con không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con lý do bà yêu cầu nuôi con là do ông N thường xuyên đi công tác, từ ngày 22/6/2021 đến nay bà thường xuyên không tiếp xúc được với con. Con gái đang ở tuổi dậy thì, đang ở chung cùng ông N, anh họ nên bà không yên tâm, bé có biểu hiện ngại tiếp xúc với mẹ mặc dù trước đây vẫn quan hệ bình thường. Bà muốn trong thời gian chờ Tòa án giải quyết được trực tiếp nuôi con để được chăm sóc, hướng dẫn con về tâm sinh lý tuổi dậy thì.

Về tài sản chung: Bà và ông N đã thỏa thuận được với nhau theo đó bà sở hữu nhà 3/27 đường S, Phường M, quận B và 01 mảnh đất ở Thị xã Z, tỉnh Đồng Nai. Ông N sở hữu nhà 158/51 đường H, Phường X, quận B, 01 mảnh đất ở huyện K, 01 xe ô tô và 01 xe mô tô. Cả hai không tranh chấp về tài sản.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn - ông N trình bày: Ông yêu cầu được ly hôn với bà Y, được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Ng vì từ tháng 6/2021 đến nay ông là người đang trực tiếp nuôi con và đó cũng là nguyện vọng của con nên rất mong Tòa án xem xét để không ảnh hưởng tiêu cực đến tâm sinh lý của con. Ông đang làm trưởng đại diện cho một công ty của Hoa Kỳ tại Việt Nam nên có thể làm online không nhất thiết phải đến công ty, thu nhập sau thuế là 120.000.000đ/tháng, ông không yêu cầu bà Y phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản

chung hai bên đã thỏa thuận được nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông chịu 45.000.000đ chi phí định giá, nợ chung không có. Cháu Lê Ngọc T là cháu ruột của ông, cháu không ở chung nhà, chỉ khi nào ông bận thì nhờ cháu đi đón con.

Bị đơn – bà Y trình bày: Bà đồng ý ly hôn với ông N, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con vì hiện nay con đang sống cùng bố và người anh họ là Lê Ngọc T. Từ ngày 22/6/2021 đến nay bà không được tiếp cận, dạy dỗ con, đã có rất nhiều vụ án đáng tiếc xảy ra, cháu lại là con gái đang trong độ tuổi dậy thì nên bà mong muốn được trực tiếp nuôi con để dạy con, đồng hành cùng con trong giai đoạn này. Bà không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con, hiện bà là trưởng bộ môn chăm sóc khách hàng của trung tâm huấn luyện bay Việt Nam Airline, lương 15.000.000đ/tháng, giảng dạy tại mặt đất trong giờ hành chính. Tài sản chung hai bên đã giải quyết xong, không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử cho Nguyên đơn được ly hôn và nuôi con. Tài sản chung hai bên đã thỏa thuận được, nợ chung không có và đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Y do bà Y cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông N thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn, Bị đơn có mặt.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số: 264 do UBND Phường G, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/12/2007 thì hôn nhân của ông N và bà Y là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông N vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với bà Y do quá trình chung sống không hạnh phúc, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Bà Y cũng đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông N yêu cầu ly hôn, bà Y đồng ý ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[5] Về con chung: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số 119 do UBND Phường R, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/11/2008 thì trẻ Lê Hoàng Tú Ng – sinh ngày 29/10/2008 là con chung của ông Lê Đình N và bà Nguyễn Thị Hoàng Y. Ông N và bà Y đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ N, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là trách nhiệm, là quyền, nghĩa vụ của cả cha và mẹ. Ông N, bà Y đều có thời gian, điều kiện tốt để chăm lo cho cháu Ng. Theo thừa nhận của đôi bên đương sự thì từ tháng 6/2021 đến nay ông N là người đang trực tiếp nuôi trẻ Ng, do đó để ổn định việc sinh hoạt, học tập, tâm sinh lý của trẻ Ng cũng như phù hợp với nguyện vọng của trẻ Ng là được ở với bố nên Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Ng cho ông N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông N không yêu cầu bà Y phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Ng đối với bà Y do ông N không yêu cầu.

[7] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án ông N có tranh chấp tài sản chung, sau đó đã rút đơn do hai bên đã thỏa thuận được. Bà Y xác nhận hai bên đã giải quyết xong phần tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này, nếu sau này ông N, bà Y có tranh chấp về tài sản chung sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[8] Về nợ chung: Ông N, bà Y xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không có gì phải xem xét giải quyết.

[9] Về việc rút yêu cầu tranh chấp tài sản chung của ông N: Ngày 21/03/2022 ông N có Đơn yêu cầu chia tài sản chung, ngày 19/9/2022 ông N rút đơn tranh chấp tài sản chung.

Xét thấy: Việc rút yêu cầu của ông N là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 217, Khoản 3 Điều 218; Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng

xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của ông N và trả lại ông N 61.975.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[10] Về chi phí định giá tài sản: Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng định giá tài sản quận Tân Bình đã tiến hành định giá tài sản tranh chấp là nhà và đất tại 158/51 đường H, Phường X, quận B; Nhà và đất tại 3/27 đường S, Phường M, quận B; 01 xe ô tô hiệu Acura biển số 51F-615.75; 01 xe mô tô biển số 59A3 052.02. Chi phí định giá là 20.000.000đ.

Do ông N không đồng ý với giá đã định của Hội đồng định giá tài sản quận Tân Bình nên có yêu cầu định giá lại đối với nhà và đất tại 158/51 đường H, Phường X, quận B; Nhà và đất tại 3/27 đường S, Phường M, quận B; Thửa đất 807, tờ bản đồ số 12 tại xã J, huyện K và Thửa đất số 88, tờ bản đồ 20 tại ấp 4, xã L, thành phố Z, tỉnh Đồng Nai. Theo yêu cầu của ông N, Tòa án đã ký hợp đồng thẩm định giá với Công ty TNHH Định giá Châu Á để định giá đối với các tài sản trên, chi phí định giá là 30.000.000đ. Do bà Y không đồng ý định giá lại đối với căn nhà 3/27 đường S, Phường M, quận B nên Công ty TNHH Định giá Châu Á chỉ định giá đối với 03 tài sản còn lại, chi phí định giá là 25.000.000đ.

Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì ông N phải chịu 45.000.000đ chi phí định giá. Ông N đã nộp chi phí này.

[11] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ông N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được cản trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 4 Điều 165; điểm c Khoản 1 Điều 217; Khoản 3 Điều 218; Điều 227; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – ông Lê Đình N.

a. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lê Đình N và bà Nguyễn Thị Hoàng Y.

b. Về con chung: Giao trẻ Lê Hoàng Tú Ng – sinh ngày 29/10/2008 cho ông Lê Đình N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Lê Hoàng Tú Ng đối với bà Nguyễn Thị Hoàng Y do ông Lê Đình N không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

c. Về tài sản chung: Ông Lê Đình N, bà Nguyễn Thị Hoàng Y tự thỏa thuận giải quyết. Nếu sau này ông Lê Đình N, bà Nguyễn Thị Hoàng Y có tranh chấp về tài sản chung sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

d. Về nợ chung: Không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2/ Đình chỉ yêu cầu tranh chấp tài sản chung của Lê Đình N theo Đơn yêu cầu chia tài sản chung ngày 21/03/2022.

3/ Về chi phí định giá tài sản: Ông Lê Đình N phải chịu 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) chi phí định giá tài sản. Chi phí này ông Lê Đình N đã nộp.

4/ Đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đó nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

5/ Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông Lê Đình N chịu, được cản trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn

đồng) tiền tạm ứng án phí ông Lê Đình N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0030736 ngày 22/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trả lại ông Lê Đình N 61.975.000đ (Sáu mươi một triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0031167 ngày 28/03/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

7/ Về quyền kháng cáo: Ông Lê Đình N, bà Nguyễn Thị Hoàng Y được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

8/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương